

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT	Lớp 8C	Ngày dạy	Tiết	Lớp 8D	Ngày dạy	Tiết
	56		4/12/2023	3		1/12/2023	2
	57		Chiều 5/12/2023	2		Chiều 5/12/2023	1
	58			3			6/12/2023

BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

TIẾT 56-58 : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
HỊCH TƯỚNG SĨ (Dụ chư tì tướng hịch văn)
- Trần Quốc Tuấn -
Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.
- + Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- + Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về nền văn hiến, văn hoá và lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc; nhận thức được trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước.
- + Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*
- b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý
- c. Sản phẩm:** HS quan sát video
- d. Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu video: https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	- Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.

<p>- HS quan sát video</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi HS.</p> <p>- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HĐ1. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

- a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm
- c. **Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm														
<p>* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm</p> <p>1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản).</p> <p>(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?</p> <p>-Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.</td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> <tr> <td>2. Văn bản được viết theo thể loại nào?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5. Xác định bố cục và nội dung</td> <td></td> </tr> </table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo		1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.		2. Văn bản được viết theo thể loại nào?		3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?		4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?		5. Xác định bố cục và nội dung		<p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc</p> <p>- Hướng dẫn đọc: giọng đọc to, đồng dục, mạnh mẽ; lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu, chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn (khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc,...). Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh.</p> <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Tác giả</p> <p>- Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1232 - 1300), quê ở Nam Định.</p> <p>- Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên 1285 và 1288.</p> <p>- Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và thứ ba (năm 1287 – 1288), ông đều được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả hai lần đều chiến thắng oanh liệt.</p> <p>- Ông là một nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, được tôn là Đức Thánh Trần.</p> <p>b. Tác phẩm</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời: ngay trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai, được viết trong cuốn Binh thư yếu lược do chính Trần Quốc Tuấn biên soạn.</p> <p>- Thể loại: Hịch.</p> <p>+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ</p>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1															
Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo															
1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.															
2. Văn bản được viết theo thể loại nào?															
3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?															
4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?															
5. Xác định bố cục và nội dung															

<p>từng phần của văn bản.</p>		<p>sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.</p>
<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS theo dõi văn bản</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>c. Bố cục: 4 phần</p> <p>+ Phần 1 – mở đầu: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</p> <p>+ Phần 2: Lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Phần 3: Nhắc lại ân tình và khích lệ ý thức trách nhiệm của tướng sĩ với triều đình, đất nước, biết làm theo điều đúng, gạt bỏ điều sai.</p> <p>+ Phần 4 – kết thúc: Khuyên nhủ tướng sĩ luyện tập binh pháp để trừ giặc, bảo vệ xã tắc, non sông.</p> <p>* Giải thích từ khó:</p> <p>+ <i>cái đấu</i>: một dụng cụ đo khối lượng, dung tích thời xưa (1 đấu = 10 thăng, 1 thăng = 2,766 lít, 1 lít tương đương với khoảng 750g).</p> <p>+ <i>lam chướng</i>: khí độc bốc lên ở vùng rừng núi, dễ gây bệnh cho con người.</p> <p>+ <i>Binh thư yếu lược</i>: cuốn sách tóm tắt những điều quan trọng nhất về việc huấn luyện, sử dụng binh lính.</p>	
<p>II. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHI TIẾT</p> <p>* HĐ1: <u>Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản</u></p> <p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 hoàn thành các nội dung trong PHT số 2 trong thời gian 20 phút.</p>	<p>II. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHI TIẾT</p> <p>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng</p>	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Quốc Tuấn

1. Hoàn thiện sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.

```

graph TD
    LD[Luận đề] --- LD1[Luận điểm 1]
    LD --- LD2[Luận điểm 2]
    LD --- LD3[Luận điểm 3]
    LD --- LD4[Luận điểm 4]
    LD1 --- RL1[Lí lẽ]
    LD1 --- RL2[Lí lẽ]
    LD2 --- RL3[Lí lẽ]
    LD2 --- RL4[Lí lẽ]
    LD3 --- RL5[Lí lẽ]
    LD3 --- RL6[Lí lẽ]
    LD4 --- RL7[Lí lẽ]
    LD4 --- RL8[Lí lẽ]
    LD4 --- RL9[Lí lẽ]
    RL1 --- BC1[Bằng chứng]
    RL2 --- BC2[Bằng chứng]
    RL3 --- BC3[Bằng chứng]
    RL4 --- BC4[Bằng chứng]
    RL5 --- BC5[Bằng chứng]
    RL6 --- BC6[Bằng chứng]
    RL7 --- BC7[Bằng chứng]
    RL8 --- BC8[Bằng chứng]
    RL9 --- BC9[Bằng chứng]
    
```

TIẾT 2:

Hoạt động 2: Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.

a) Mục đích:

- Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><u>Nhiệm vụ 1: GV HDHS tìm hiểu Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau: - Vì sao tác giả mở đầu bài hịch bằng cách nêu lên những tấm gương trung thần nghĩa sĩ? - Những tội ác của kẻ thù được dẫn ra trong văn bản có tác động như thế nào đến suy nghĩ, tình cảm của các tướng sĩ? - Vì sao tác giả bày tỏ tình cảm với các tướng sĩ và phê phán nghiêm khắc những suy nghĩ, việc làm sai trái của họ? - Lời khuyên nhủ của tác giả dựa trên cơ sở nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p> <p><u>- Nhiệm vụ 2: GV HDHS tìm hiểu Luận điểm 2: Thể hiện lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược</u></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta? 2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? 3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng? 4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p><u>a. Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</u> - Lưu danh trong sử sách: Kỷ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, than khoái, kimh đức, cảo khanh. - Hiện thực mới đây: Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư.</p> <p>-> Tác giả nêu các tấm gương trung thần nghĩa sĩ bao đời vì nước, vì chủ mà sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn → vừa khơi gợi được tinh thần, khí thế, vừa giúp các tướng sĩ nhìn lại chính bản thân mình để thấy được trách nhiệm đối với chủ tướng và đất nước.</p> <p><u>b. Luận điểm 2: Thể hiện lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.</u></p> <p>- “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông - Nguyên làm le xâm lược nước ta.</p> <p>- Lí lẽ 1: Cẩn hận trước những tội ác của quân xâm lược với đất nước với vua quan triều đình: + Bằng chứng: Sứ giặc đi lại ngênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tế phụ, vợ vét bạc vàng, ngọc lụa, của kho có hạn. + NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm.</p> <p>-> Tác giả nói đến sự ngang ngược, hống hách, vô lễ của sứ giặc đối với triều đình và các bậc tế phụ để tướng sĩ thấy được sự nhục nhã và căm thù những hành động của chúng.</p>

<p>+ Học sinh: làm việc cá nhân + Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p><u>Nhiệm vụ 3: GV HDHS tìm hiểu Luận điểm Phê phán biểu hiện sai trái và lời kêu gọi tướng sĩ.</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: + Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng? + Với tư cách là vị chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tì tướng phải rèn tập võ nghệ, học tập cuốn “<i>Binh thư yếu lược</i>”, chuẩn bị cho việc đánh giặc giữ nước?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>Phần này như một phản đề với việc nêu các tấm gương liêm liệt ở phía trên.</p> <p>- Lí lẽ 2: Đau đớn dẫn vật khôn nguôi trước vận mệnh đất nước.</p> <p>+ Bằng chứng: Tối bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, căm tức chưa xả thịt lột da, uống...</p> <p>+ NT: Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng.</p> <p><u>c. Luận điểm 3: Phê phán biểu hiện sai trái</u> - Phê phán hành động hưởng lạc, ham thú vui tầm thường: <i>chơi gà, cờ bạc, săn bắn...</i> - Thái độ phê phán dứt khoát → Phê phán nghiêm khắc thái độ vô trách nhiệm, vong ân bội nghĩa, lối sống hưởng lạc, chỉ lo vun vén hạnh phúc cá nhân.</p> <p><u>d. Luận điểm 4: Kêu gọi tướng sĩ.</u> - Phải biết lo xa, nêu cao cảnh giác, tăng cường luyện tập, học tập “<i>Binh thư yếu lược</i>.” - Giúp tướng sĩ nhận thức rõ đúng – sai - Vạch rõ ranh giới 2 con đường chính – tà, sống – chết. → Thái độ dứt khoát, cương quyết, khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù</p>
<p style="text-align: center;">TIẾT 3:</p> <p><u>Nhiệm vụ 4: GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục 2. Nghệ thuật nghị luận</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: - GV hướng dẫn HS thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bài (mỗi nhóm thực hiện 1 yêu cầu) để nhận xét nghệ thuật nghị luận của văn bản theo các gợi ý sau: 1. Em có nhận xét gì về giọng điệu, cách sử dụng ngôn từ của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn trong bài <i>Hịch</i>? 2. Nhận xét về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản.</p>	<p><u>2. Nghệ thuật nghị luận</u></p> <p>- Giọng điệu, ngôn từ thể hiện trong bài hịch rất đa dạng (khi thì nêu gương, lúc trữ tình, thân mật, khi thì suy luận lô gích vẽ ra viễn cảnh tai họa, lúc thì thống thiết, căm phẫn, khi thì châm biếm, mỉa mai, lúc lại dứt khoát vẽ ra viễn cảnh thắng lợi), cùng với việc sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói quá, câu hỏi tu từ, câu cảm thán,... tạo nên một bài hịch giàu hình ảnh, nhạc điệu và cảm xúc.</p> <p>- Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai chặt chẽ, logic, theo trình tự hợp lí với diễn biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng</p>

<p>3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “Hịch tướng sĩ”?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tổ chức các nhóm 4; ghi ý kiến cá nhân vào các góc, sau đó thống nhất các ý chung ghi vào ô giữa. - GV gọi đại diện 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận theo nội dung được phân công; nhóm khác lắng nghe, bổ sung. - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức cơ bản về nghệ thuật nghị luận đặc sắc của văn bản “Hịch tướng sĩ” nói riêng và văn bản nghị luận trung đại nói chung. 	<p>tỏ cho lí lẽ, luận điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài Hịch: Kết cấu đầu cuối, nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tâm gương các trung thân nghĩa sĩ trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biền ngẫu.
<p><u>Nhiệm vụ 5: GV HDHS tổng kết phần nội dung và nghệ thuật của bài.</u></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt 	<p><u>III. Tổng kết</u></p> <p>1. Nội dung</p> <p>Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược, thể hiện qua lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>Giọng điệu đa dạng; ngôn ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; lối văn biền ngẫu đăng đối, truyền cảm; biện pháp cường điệu, ẩn dụ, câu hỏi tu từ; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Đây là một áng văn nghị luận xuất sắc trong lịch sử văn học dân tộc.</p> <p>3. Kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?) - Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài. - Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận. - Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề

	<p>được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.</p> <p>- Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.</p> <p>* Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biền ngẫu; tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ*
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi: Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế?
- c. **Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày trước lớp</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá</p>	

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản *Hịch tướng sĩ*
 - b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ
 - c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh
 - d. **Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
- + **Câu hỏi:** *Giả sử em là “vua” của nước 8A. Hãy suy nghĩ và viết 1 bài hịch kêu gọi các bạn chăm chỉ học hành.*
- + **Bài tập trắc nghiệm**
- Câu 1:** Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?
- A. Vật hoá C. So sánh
 B. Nhân hoá D. ẩn dụ
- Chọn đáp án: D**
- Câu 2:** Nghĩa của từ “*ngênh ngang*” là gì ?
- A. ở trạng thái lắc lự, nghiêng ngả như trực ngã.
 B. tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.
 C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.
 D. tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

Chọn đáp án: B

Câu 3: Từ nào có thể thay thế từ “ nghênh ngang” trong câu “ Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường ...” ?

- A. Hiên ngang
- B. Ngật ngưỡng
- C. Thất thểu
- D. Ngông nghênh

Chọn đáp án: D

Câu 4: Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thể nào ?

- A. Không nêu phần đặt vấn đề riêng.
- B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.
- C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Chọn đáp án: A

Câu 5: Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

- A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.
- B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gơ tay không mà chịu thua giặc...
- C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên...
- D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

Chọn đáp án: A

Câu 6: Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền ?

- A. Nhẹ nhàng thân tình. C. Mạt sát thậm tệ.
- B. Nghiêm khắc, nặng nề. D. Bông đùa, hóm hỉnh.

Chọn đáp án: B

Câu 7: Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?

- A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.
- B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.
- C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Bình thư yếu lược”.
- D. Gồm cả A, B và C.

Chọn đáp án: D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** GIÁO VIÊN GIAO BTVN VÀ HƯỚNG DẪN HS CHUẨN BỊ BÀI Ở NHÀ**

1. Bài cũ:

- Ghi nhớ các kiến thức về Tác giả, tác phẩm, nghệ thuật và nội dung của bài
- Hoàn thành các bài tập trắc nghiệm trên

2. Bài cũ:

- Chuẩn bị bài mới : “ Nước Đại Việt ta” về Tác giả, tác phẩm và theo định hướng câu hỏi trong SGK

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT	Lớp 8C	Ngày dạy 11/12/2023	Tiết	Lớp 8D	Ngày dạy 8/12/2023	Tiết
	59			2			2
	60			3			3

TIẾT 59+60 : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (Trích Đại cáo bình Ngô)
 - Nguyễn Trãi -
 Thời lượng : 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Nguyễn Trãi
- Những nét chung về văn bản “Đại cáo bình Ngô”
- + Hiểu sơ giản về thể cáo.
- + Nắm được hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của “Đại cáo bình Ngô”.
- + Hiểu được nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.
- + Nắm được đặc điểm văn chính luận của “Đại cáo bình Ngô”

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật, tư tưởng của bài cáo.
- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của bài cáo.

3. Phẩm chất: Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với đất nước, biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1:

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5')

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát video.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.
HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được nội dung của những hình ảnh qua video.
- Học sinh nêu cảm nhận.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với video sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô	- Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.

<p>biết:</p> <p>1. Từ nội dung của video, em nhận thấy bản chất và dã tâm nào của kẻ xâm lược?</p> <p>2. Em có nhận xét gì về nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh? Nêu cảm nhận của em qua đoạn video.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV bật video HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ. - Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời. - Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi. HS trả lời câu hỏi 1, 2...</p> <p>Câu 1: Bản chất độc ác, tham lam, dã tâm muốn cướp nước ta. Câu 2: Nghĩa quân Lam Sơn Thiện chiến, anh dũng, yêu nước. Vị chủ tướng Lê Lợi yêu nước thương dân. Khát vọng giải phóng đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Em căm ghét bọn xâm lược. Em yêu mến, khâm phục, tự hào biết ơn nghĩa sĩ Lam Sơn và người anh hùng Lê Lợi <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần) - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:..... 	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30')

I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)

1. Tác giả					
Tổ chức thực hiện					
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS mở PHT số 1 (?) Trình bày những thông tin chính về tác giả Nguyễn Trãi?</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%;">Yêu cầu</th> <th>Nội dung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px;"> -Năm sinh -Tên hiệu -Quê quán. -Nêu vài nét sơ lược về sự nghiệp sáng tác. -Tác phẩm tiêu biểu </td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1 HS: Mở PHT số1, xem lại thông tin trong PHT số 1.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện trình bày thông tin về tác giả Nguyễn Trãi. - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. 	Yêu cầu	Nội dung	-Năm sinh -Tên hiệu -Quê quán. -Nêu vài nét sơ lược về sự nghiệp sáng tác. -Tác phẩm tiêu biểu		<p>I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nguyễn Trãi (1380-1442). - Hiệu là Úc Trai. - Quê ở Chi Ngại, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. - Là tác gia văn học lớn, Nguyễn Trãi đã để lại sự nghiệp văn học đồ sộ ở nhiều thể loại như chính luận, thơ. Bên cạnh đó, ông còn có nhiều tác phẩm lịch sử và địa lý nổi tiếng. - Những tác phẩm như Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo Bình Ngô, Lam Sơn Thực lục.
Yêu cầu	Nội dung				
-Năm sinh -Tên hiệu -Quê quán. -Nêu vài nét sơ lược về sự nghiệp sáng tác. -Tác phẩm tiêu biểu					

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. 	
<p>2. Tác phẩm</p>	
<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách đọc văn bản - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Nước Đại Việt ta”: + Hoàn cảnh sáng tác + Thể loại(thông tin về thể loại ; so sánh với thể Hịch) + Phương thức biểu đạt + Bố cục... <p>Nội dung: GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao</p>	
<p>Tổ chức thực hiện</p>	<p>Sản phẩm</p>
<p>a. Đọc, tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách đọc - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc mẫu - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc <p>HS đọc mẫu</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét cách đọc của HS - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần tìm hiểu chung về văn bản <p>b. Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS mở PHT số 2 - Chia nhóm cặp đôi theo bàn - Nhiệm vụ: + Hoán đổi PHT cho nhau + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị. + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không. HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)</p>	<p>a. Đọc, tìm hiểu chú thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc - Chú thích (SGK) <p>b. Tìm hiểu chung về văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. - “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428). - Thể cáo. - Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần. So sánh thể cáo, hịch

<p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2. - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. - Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan. - Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980). - Tháng 11/1406 nhà Minh xâm lược nước ta. Đến năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh ở Lam Sơn- Thanh Hoá. Đến cuối năm 1427 thì giành thắng lợi. Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi sát cánh bên nhau từ những ngày đầu khởi nghĩa cho đến ngày giành thắng lợi,-> Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết bài “Bình Ngô đại cáo” vào khoảng năm 1428 để ban bố cho nhân dân cả nước biết sự nghiệp bình Ngô phục quốc của đất nước ta đã giành thắng lợi. - Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo): phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học lịch sử. <p>Chuyển dẫn:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biền ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng. - Khác nhau về chức năng:... Văn bản “Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta. Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. - Bố cục: 3 phần P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa. P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc. P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.
--	--

II. ĐỌC – HIỂU CHI TIẾT

1. GV HDHS tìm hiểu: Nguyên lí nhân

a. Mục tiêu:

- + Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn.
- + Nhận ra và hiểu được sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.
- + Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn.

b. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm hoạt động: câu trả lời, phiếu học tập của nhóm

d. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Giáo viên đánh giá.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi): 1. Em hiểu <i>nhân nghĩa</i> ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì? 2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs: tiếp nhận - Hs: tiếp nhận <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) - <i>Học sinh</i>: thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận HĐ cá nhân: GV: - Gọi HS trả lời câu hỏi - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn</p> <p>HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).</p> <p>HĐ nhóm GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).</p> <p>HS:- Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).</p> <p>- Dự kiến sản phẩm: 1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái. - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”. 2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo - Dân: là người dân nước Đại Việt. - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước. => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá</p>	<p>1. Nguyên lí nhân nghĩa * Nhân nghĩa: + Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc. + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược. -> Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược. => Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân.</p>

nhân/nhóm HS.
 - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.
 - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
 ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng
Gv: Như vậy... Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -> Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo.

TIẾT 2:

2. GV HDHS tìm hiểu sự : Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:

Mục tiêu: Tìm hiểu về sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc trong văn bản.

Nội dung:

GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm				
<p>* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT (Dự kiến khó khăn: Nếu HS gặp khó khăn, GV gợi dẫn bằng các câu hỏi nhỏ:</p> <table border="1" data-bbox="183 936 917 1126"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th> <th>Nội dung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>-Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Những chứng cứ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cứ đó có sức thuyết phục không? - Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó? *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS: + Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút. + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau. - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận. - Dự kiến sản phẩm: a . Quyền độc lập: b. + Quốc hiệu + Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài c.Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa. d. Liệt kê, so sánh đối lập -> Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập.</p>	Yêu cầu	Nội dung	-Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?		<p><u>2/ Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền độc lập: + Quốc hiệu + Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài <p>-> Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa. - NT: Liệt kê, so sánh đối lập => Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan. - NT: sử dụng câu văn biền ngẫu, so sánh... -> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.</p>
Yêu cầu	Nội dung				
-Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?					

<p>-> Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền.</p>	
<p>Gv mở rộng : Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, VB “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời.</p> <p>Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng định chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều.....(chỉ bảng)</p> <p>Và hơn thế nữa, nếu trong “Nam quốc sơn hà”. Lý Thường Kiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ Nguyễn Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh dân tộc, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa.</p> <p>Chuyến ý: Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lịch sử thật tiêu biểu.</p>	
<p>3. Những chứng cứ lịch sử:</p> <p>* Mục tiêu : HS nắm được sức mạnh của những chứng cứ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù</p> <p>* Nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>* Phương thức thực hiện: HĐ chung, cặp đôi</p> <p>* Yêu cầu sản phẩm: vở ghi HS.</p>	
<p>Tổ chức thực hiện</p>	<p>Sản phẩm</p>
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- HS tiếp nhận, thực hiện</p> <p>* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối.</p> <p>? Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cứ lịch sử nào?</p> <p>? Kết quả của các sự kiện đó?</p> <p>nhục nhã.</p> <p>? Việc dẫn ra một loạt các chứng cứ như trên nhằm mục đích gì?</p> <p>? Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?</p> <p>? Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?</p> <p>? Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc đoạn cuối và tìm chi tiết.</p> <p>HS đọc SGK, tìm chi tiết</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HĐ cá nhân:</p> <p>GV:</p> <p>- Gọi HS trả lời câu hỏi</p> <p>- Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn</p> <p>HS:</p> <p>- Đại diện trả lời câu hỏi</p>	<p>3. Những chứng cứ lịch sử:</p> <p>- Lưu Cung-> thất bại</p> <p>- Triệu Tiết-> tiêu vong</p> <p>- Toa Đô-> bắt sống</p> <p>- Ô Mã-> giết tươi</p> <p>-> Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.</p> <p>- NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn.</p>

<p>- HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).</p> <p>HĐ nhóm</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). <p>- Dự kiến trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu Cung-> thất bại - Triệu Tiết-> tiêu vong - Toa Đô-> bắt sống - Ô Mã-> giết tươi <p>-> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại</p> <p>* Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.</p> <p>-> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.</p> <p>=> Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL</p> <p>-> Yêu nước</p> <p>Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ</p> <p>Giàu tình cảm và lòng tự hào DT...</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</p>	
<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.</p> <p>Nội dung: Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>Tổ chức thực hiện:</p>	
<p style="text-align: center;">Tổ chức thực hiện</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS: hoạt động cá nhân + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	<p style="text-align: center;">Sản phẩm</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1/ Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử - Cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang. <p>2/ Nội dung:</p> <p>Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng,</p>

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa
--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- d. **Tổ chức thực hiện:**
 - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành BT.

Tổ chức thực hiện			Sản phẩm									
<p>*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv: Hãy so sánh hai văn bản “Sông núi nước Nam” Lý Thường Kiệt và “Nước Đại Việt ta” Nguyễn Trãi? - Hs: tiếp nhận <p>* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm:.... <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">So sánh</th> <th style="width: 35%;">Sông núi nước Nam</th> <th style="width: 50%;">Nước Đại Việt ta</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Nước có chủ quyền</td> <td style="text-align: center;">Vua Nam ở</td> <td>Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Sức mạnh của nhân nghĩa</td> <td style="text-align: center;">Bị đánh tơi bời</td> <td>Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.</td> </tr> </tbody> </table> <p>*Bước 3: Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng</p> <p>* Bước 4: Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức 			So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta	Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.	Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh tơi bời	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.	
So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta										
Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.										
Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh tơi bời	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.										

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c. **Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
-------------------	----------

<p>*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận sau khi học xong văn bản.</p> <p>* Bước2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà</p> <p>* Bước3: Báo cáo, thảo luận: GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp</p> <p>* Bước4: Kết luận, nhận định: GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.</p>	
<p>* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BTVN VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI</p>	
<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức – Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo <p>* Phương pháp: Dự án</p> <p>* Kỹ thuật: Giao việc</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Bình ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi. <p>* Thời gian: 2 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày.... <p>* Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)</p> <p>a. Bài vừa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT – Học thuộc và đọc diễn cảm văn bản <p>b. Bài mới: Chuẩn bị bài “Chiếu dời đô” _ Lý Công Uẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi – Tìm hiểu cách sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp 	

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT 61	Lớp 8C	Ngày dạy Chiều 12/12/2023	Tiết 2	Lớp 8D	Ngày dạy Chiều 12/12/2023	Tiết 1
-------------------------	-----------------	-----------	---------------------------------	-----------	-----------	---------------------------------	-----------

TIẾT 61 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TỪ HÁN VIỆT, THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ
Thời lượng : 1 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.
- Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.

2. Về năng lực;

a. *Năng lực chung:* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. *Năng lực riêng*

- Kỹ năng nhận biết, hiểu nghĩa và tác dụng của từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ trong văn bản.
- Kỹ năng viết và nói có sử dụng từ Hán Việt.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập, bảng phụ A0
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ đã học để kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.
- b) Nội dung: HS chơi trò chơi: “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”
- c) Sản phẩm: HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời nội dung các hình ảnh theo nhóm
- d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”: - Luật chơi: + Chia lớp thành 3 đội chơi, phát cho mỗi đội 1 bộ hình ảnh, bảng phụ, băng dính. + Các đội quan sát các hình ảnh, phát hiện nội dung và sắp xếp vào các cột trong bảng phụ (thành ngữ, tục ngữ) trong thời gian 3 phút. + Khi hết thời gian, các đội lên bảng dán sản phẩm của nhóm mình. Đội nào có nhiều đáp án chính xác đội ấy giành chiến thắng. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các đội chơi chia nhóm, quan sát hình ảnh, tìm ra nội dung và sắp xếp vào bảng phụ theo thời gian quy định.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: 3 đội trình bày kết quả lên bảng, cử mỗi nhóm 1 đại diện chấm chéo bài của nhóm bạn theo đáp án GV trình chiếu.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi thêm HS: phát hiện các thành ngữ, tục ngữ là từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ là từ thuần Việt. - GV nhận xét chung tinh thần tham gia của cả lớp, dẫn dắt vào bài mới: Các em ạ, thành ngữ và tục ngữ là trí tuệ dân gian, được cha ông ta lưu truyền lại đến ngày nay bằng cách sử dụng trong lời ăn, tiếng nói hàng ngày. Trong quá trình phát triển, cha ông ta đã rất khéo léo tiếp thu có chọn lọc các từ Hán Việt để tạo nên những câu tục ngữ, thành ngữ mới, ngắn gọn, hàm súc mà ý nghĩa rất sâu xa. Các kiến thức về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ chúng ta đều đã được học ở lớp 6, lớp 7, ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng ôn luyện và vận dụng vào bài tập để một lần nữa thêm hiểu, thêm yêu sự giàu có trong ngôn ngữ Tiếng Việt các em nhé. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tri thức tiếng Việt	
<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững tri thức về thành ngữ, tục ngữ, từ Hán Việt <p>Nội dung: GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p>	<p>I. Tri thức Tiếng Việt</p>

<p>(?) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nhắc lại các kiến thức đã học về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.</p> <p>(?) Phân biệt sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Gọi đại diện HS trả lời HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện trả lời câu hỏi - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét câu trả lời của HS - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. 	<p>- Từ Hán Việt: là từ mượn tiếng Hán</p> <p>- Thành ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. + Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh... <p>- Tục ngữ: là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.</p>
--	---

II. THỰC HÀNH

<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản. - Vận dụng được trong luyện tập viết và nói. <p>Nội dung: GV sử dụng các hình thức cá nhân và nhóm để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ/bài tập</p>																			
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																		
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho các nhóm + Nhóm 1,2,3: làm bài tập 1 + Nhóm 4,5,6: làm bài tập 2 - Mời đại diện nhóm đọc đề bài 1,2. - GV phát bảng phụ, bút dạ cho các nhóm - Thời gian thực hiện: 7 phút <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia nhóm, thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn) <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện mỗi bài 1 nhóm lên trình bày - Các nhóm còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS - GV hỏi thêm HS: (?) Quan sát các từ Hán Việt trong bài tập 1 và thành ngữ tìm được trong bài tập 2, em hãy cho cô biết nghĩa của các từ ghép Hán Việt trên được hình thành bằng cách nào? + Nghĩa của các từ ghép Hán Việt được hiểu 	<p>II. THỰC HÀNH</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ ghép Hán Việt là: trung thành nghĩa sĩ, lưu danh sử sách, binh thư yếu lược. - Nghĩa của các từ ghép Hán Việt và nghĩa của các thành tố: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Nghĩa của mỗi yếu tố</th> <th style="width: 50%;">Nghĩa của từ ghép Hán Việt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>trung: trung thành (trước sau 1 lòng 1 dạ không thay đổi)</td> <td rowspan="3">Những người trung với vua, sẵn sàng làm việc nghĩa</td> </tr> <tr> <td>thần: bề tôi của vua</td> </tr> <tr> <td>nghĩa: điều tốt đẹp, lẽ phải</td> </tr> <tr> <td>Sĩ: người</td> <td rowspan="4">Giữ lại tiếng tốt, tên tuổi về sau trong sách sử</td> </tr> <tr> <td>Lưu: giữ lại, để lại</td> </tr> <tr> <td>Danh: tên tuổi</td> </tr> <tr> <td>Sử: quá trình phát triển đã qua của một đất nước</td> </tr> <tr> <td>Sách: xấp giấy có in chữ đóng thành tập</td> <td rowspan="3">Cuốn sách tập hợp những nội dung khái</td> </tr> <tr> <td>Binh: quân lính, việc quân sự</td> </tr> <tr> <td>Thư: sách</td> </tr> <tr> <td>Yếu: quan trọng, cần thiết</td> <td rowspan="2"></td> </tr> <tr> <td>Lược: khái quát, vắn tắt</td> </tr> </tbody> </table>	Nghĩa của mỗi yếu tố	Nghĩa của từ ghép Hán Việt	trung: trung thành (trước sau 1 lòng 1 dạ không thay đổi)	Những người trung với vua, sẵn sàng làm việc nghĩa	thần: bề tôi của vua	nghĩa: điều tốt đẹp, lẽ phải	Sĩ: người	Giữ lại tiếng tốt, tên tuổi về sau trong sách sử	Lưu: giữ lại, để lại	Danh: tên tuổi	Sử: quá trình phát triển đã qua của một đất nước	Sách: xấp giấy có in chữ đóng thành tập	Cuốn sách tập hợp những nội dung khái	Binh: quân lính, việc quân sự	Thư: sách	Yếu: quan trọng, cần thiết		Lược: khái quát, vắn tắt
Nghĩa của mỗi yếu tố	Nghĩa của từ ghép Hán Việt																		
trung: trung thành (trước sau 1 lòng 1 dạ không thay đổi)	Những người trung với vua, sẵn sàng làm việc nghĩa																		
thần: bề tôi của vua																			
nghĩa: điều tốt đẹp, lẽ phải																			
Sĩ: người	Giữ lại tiếng tốt, tên tuổi về sau trong sách sử																		
Lưu: giữ lại, để lại																			
Danh: tên tuổi																			
Sử: quá trình phát triển đã qua của một đất nước																			
Sách: xấp giấy có in chữ đóng thành tập	Cuốn sách tập hợp những nội dung khái																		
Binh: quân lính, việc quân sự																			
Thư: sách																			
Yếu: quan trọng, cần thiết																			
Lược: khái quát, vắn tắt																			

<p>theo cách tổng hợp nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên nó.</p> <p>- GV tổng hợp kiến thức: Đúng rồi các em ạ, như vậy ta có thể thấy cách hiểu nghĩa của từ ghép Hán Việt khá giống với từ ghép thuần Việt của chúng ta. Ta có thể tìm nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên từ ghép Hán Việt để hiểu được nghĩa chung của cả từ ghép Hán Việt đó.</p>	<table border="1" style="width: 100%; height: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td style="width: 50%; text-align: center;">quát, quan trọng về</td> </tr> <tr> <td colspan="2"> <p>Bài tập 2: Các thành ngữ là:</p> <p>a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.</p> <p>Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.</p> <p>b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.</p> <p>c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.</p> <p>d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước.</p> </td> </tr> </table>		quát, quan trọng về	<p>Bài tập 2: Các thành ngữ là:</p> <p>a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.</p> <p>Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.</p> <p>b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.</p> <p>c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.</p> <p>d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước.</p>	
	quát, quan trọng về				
<p>Bài tập 2: Các thành ngữ là:</p> <p>a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.</p> <p>Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.</p> <p>b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.</p> <p>c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.</p> <p>d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước.</p>					
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (?) Em hãy nhắc lại kiến thức: muốn tìm nghĩa của thành ngữ chúng ta cần làm thế nào? + Ta cần hiểu theo nghĩa bóng của cả tổ hợp từ trong thành ngữ, không được tách riêng nghĩa các từ trong thành ngữ và không hiểu theo nghĩa đen.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân ra vở - Thời gian thực hiện: 3 phút</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn)</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện 1 HS lên trình bày - Các HS còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS - GV đánh giá, cho điểm HS</p>	<p>Bài 3: Nối:</p> <p>5-a 4-b 2-c 3-d 1-e</p>				

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào bài tập viết đoạn và trình bày trước lớp
- b) **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân viết đoạn theo yêu cầu
- c) **Sản phẩm:** Đoạn văn đảm bảo yêu cầu của đề bài
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS làm bài 4/SGK: viết đoạn văn 5-7 dòng nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.</p> <p>- GV yêu cầu HS phân tích đề trước khi làm bài: + Yêu cầu về hình thức: đoạn văn 5-7 dòng + Yêu cầu về nội dung: nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.</p>	<p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Lòng yêu nước là tình cảm thiêng liêng và vô giá của con người. Nhờ thứ tình cảm ấy mà nhân dân ta đã trải qua biết bao sóng gió, thăng trầm, đã từng phải đối mặt với những kẻ thù mạnh nhất thế giới nhưng nhân dân ta chưa bao giờ nao núng. Tấm lòng yêu nước của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn cũng được thể hiện thật cảm động qua bài Hịch tướng sĩ. Bài hịch được</p>

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - GV giúp đỡ, hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn) <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS lên trình bày - Các HS còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS - GV đánh giá, cho điểm HS 	<p>Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285). Bài hịch là lời kêu gọi ý chí chiến đấu và sự thức tỉnh của tướng lĩnh và binh sĩ trước những hành động ngang ngược, bạo tàn của kẻ thù. Qua đó cũng thể hiện tình yêu nước nồng nàn và lòng căm thù giặc sâu sắc cùng ý chí chiến đấu quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của Trần Quốc Tuấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xâm lược: Xâm phạm chiếm đoạt. - Binh sĩ: Người lính
--	---

*** GIÁO VIÊN GIAO BÀI TẬP VỀ NHÀ VÀ HƯỚNG DẪN HS CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

1. Bài cũ:

- Ghi nhớ kiến thức về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ
- Hoàn thành các bài tập trên vào vở

2. Bài mới:

- Chuẩn bị : Soạn bài thực hành đọc hiểu “ Chiếu dời đô” về các kiến thức (tác giả, tác phẩm và các câu hỏi định hướng trong SGK.

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT 62	Lớp 8C	Ngày dạy Chiều 12/12/2023	Tiết 3	Lớp 8D	Ngày dạy 13/12/2023	Tiết 5
-------------------------	-----------------	-----------	---------------------------------	-----------	-----------	------------------------	-----------

**TIẾT 62 : THỰC HÀNH ĐỌC
CHIẾU DỜI ĐÔ - (Lý Công Uẩn) –
Thời lượng : 1 tiết**

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể chiếu
- HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*
- b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý
- c. Sản phẩm:** HS quan sát video
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu video: https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát video</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - HS theo dõi video, nêu cảm nhận.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới</p>	- Tạo hứng thú giúp HS vào bài bài mới

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động I: ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm
- c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm - Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</th> </tr> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn</th> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.</td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> <tr> <td>2. Văn bản được viết theo thể loại nào?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?</td> <td></td> </tr> </table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn		1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.		2. Văn bản được viết theo thể loại nào?		3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?		<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc</p> <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Tác giả - Lí Công Uẩn (974-1028), tức Lí Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang (Từ Sơn, Bắc Ninh). - Là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công. - Phong cách sáng tác: chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có ảnh hưởng đến vận nước.</p> <p>b. Tác phẩm</p> <p>* Hoàn cảnh sáng tác: - Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi cho nhân dân biết.</p> <p>* Thể loại: Chiếu – là một thể văn cổ chức năng, thường dùng bởi các bậc vua chúa trong việc ban bố, cáo lệnh xuống cho người dân. Ở đây, Lí Công</p>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1											
Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn											
1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.											
2. Văn bản được viết theo thể loại nào?											
3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?											

<p>4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?</p>		<p>uần đã sử dụng thể văn này để thể hiện sự tôn trọng của mình đến với người dân, trước khi quyết định một vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, của dân tộc.</p> <p>c, Bố cục : 3 phần</p> <p>- Phần 1: Từ đầu → “không thể không dời đô”: Lí do dời đô.</p> <p>- Phần 2: Tiếp theo → “để vương muôn đời”: Lí do chọn Đại La làm kinh đô.</p> <p>- Phần 3: Còn lại: Quyết định dời đô.</p>
<p>5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản.</p>		

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập
 - HS theo dõi văn bản

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận
 - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
 - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Hoạt động II : TÌM HIỂU CHI TIẾT

- a. **Mục tiêu:** HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau: + Tìm những lí lẽ, bằng chứng Lý Công Uẩn đưa ra để thuyết phục quan lại, nhân dân dời đô - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ</p> <p><u>Luận điểm 1. Lí do cần dời đô</u></p> <p>- Dời đô là việc thường xuyên xảy ra trong lịch sử và đem lại lợi ích lâu dài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà Thương: 5 lần dời đô + Nhà Chu: 3 lần dời đô <p>- Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kinh đô được đặt ở một nơi trung tâm của đất trời, phong thủy và khẳng định vị thế + Thuận lợi cho sự nghiệp, mưu toan việc lớn + Là nơi thích hợp để có thể tồn tại đất nước, tính kế muôn đời cho con cháu <p>- Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận mệnh đất nước được lâu dài + Phong tục, tập quán, lối sống đa dạng, phồn thịnh <p>- Nhà Đinh- Lê đóng đô một chỗ là hạn chế</p> <p>- Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Triều đại không lâu bền, suy yếu không vững mạnh dễ dàng bị suy vong + Trầm họ hao tổn + Số phận ngắn ngủi, không tồn tại + Cuộc sống, vạn vật không thích nghi <p>⇒ Dời đô là việc làm chính nghĩa, vì nước vì dân, nghe theo mệnh trời, thể hiện thực lực của nước ta lớn mạnh, ý chí tự cường</p> <p><u>Luận điểm 2: Nguyên nhân chọn Đại La làm kinh đô</u></p>

<p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc trong bài chiếu? 2. Nhận xét về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản. 3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “Chiếu dời đô”? <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.</p> <p>Nhiệm vụ 3:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu hỏi kết thúc văn bản thể hiện điều gì? + Văn bản Chiếu dời đô thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa lí trí và 	<p>- Các lợi thế của thành Đại La</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về lịch sử: là kinh đô cũ của Cao Vương + Về địa lí: Trung tâm trời đất, địa thế rộng mà bằng, đất cao mà thoáng, địa thế đẹp, lợi ích mọi mặt + Đời sống dân cư: Dân cư khỏi chịu cảnh ngập lụt, mọi vật phong phú, tốt tươi, là mảnh đất thịnh vượng + Về chính trị: Chốn hội tụ trọng yếu, kinh đô bậc nhất. <p>⇒ Xứng đáng là nơi định đô bền vững, là nơi để phát triển, đưa đất nước phát triển phồn thịnh</p> <p>⇒ Luận cứ có tính thuyết phục vì được phân tích trên nhiều mặt ⇒ Chọn Đại La làm kinh đô là một lựa chọn đúng đắn, nên đây xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn năm.</p> <p>2. Những đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận</p> <p>- Đây là áng văn chính luận đặc sắc viết theo lối biên ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng</p> <p>- Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai chặt chẽ, logic, theo trình tự hợp lí với diễn biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng tỏ cho lí lẽ, luận điểm.</p> <p>- Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài chiếu: Kết cấu nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tấm gương trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biên ngẫu; Từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.</p> <p>3. Sự kết hợp hài hòa giữa lí trí và tình cảm của tác giả</p> <p>- Kết lại bài chiếu nhà vua đã viết "Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?", câu hỏi này vừa có ý nghĩa là một mệnh lệnh, bởi vốn dĩ nhà vua đang ban chiếu dời đô, nhưng đồng thời nó cũng mang tính chất tâm tình khi nhà vua có ý muốn hỏi quần thần về ý định của mình. Điều đó thể hiện tấm lòng đức độ, anh minh của Lý Thái Tổ, dù là bậc cửu ngũ chí tôn nhưng vẫn hết lòng</p>
---	---

<p><i>tình cảm như thế nào?</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>trân trọng ý kiến của quần thần, cũng là của nhân dân, đặt nhân dân lên làm gốc để tiến hành các quyết định. Đồng thời cũng bộc lộ mong muốn của Lý Thái Tổ về một đất nước vua tôi đồng lòng, đạt được sự thống nhất, thuận tình trong nhân dân. Có thể nói rằng cách đặt câu hỏi cuối bài đã làm cho bài chiếu trở nên khách quan, thấu tình đạt lý, giữ vững nguyên tắc trên vâng mệnh trời, dưới thuận ý dân, dễ dàng đi sâu vào lòng người đọc, người nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong Chiếu dời đô, Lí Công Uẩn không dùng nhiều lời mà hướng đến cái lí sắc bén, thuyết phục lòng người. Điểm cốt yếu là ông viện dẫn cái lí lẽ mà ai cũng thấu rõ, kí thác vào đó sức mạnh của niềm tin. Ông rất lí trí và rõ ràng khi chỉ rõ những mặt lợi, mặt hại của Hoa Lư, nhấn mạnh việc cần rời kinh đô đến nơi phù hợp để đất nước phát triển hơn. Cái tài tình của Lý Công Uẩn là ông đã hiểu rõ lòng dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của bách tính. Thế nên, lời nói tuy hết sức ngắn gọn nhưng lại có sức biểu dương lớn, nhanh chóng thu phục lòng người, đưa cuộc vận động nhanh chóng biến thành hành động cụ thể, hiệu quả ngay sau đó.
<p>Hoạt động III. Tổng kết</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>“Chiếu dời đô” cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế, nhân văn... qua đó thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối viết văn chính luận, biện ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng - Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng. - Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục. - Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí <p>3. Kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?) - Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài. - Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận. - Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc,

	<p>người nghe.</p> <p>- Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.</p> <p>* Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biền ngẫu; tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chiếu dời đô*
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi [Vi sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?](#)
- c. **Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <u>Vi sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?</u></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trình bày trước lớp</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>Nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triều đình nhà Lí đủ lớn mạnh chấm dứt nạn phong kiến cát cứ - Dân tộc Đại Việt đủ sức sánh ngang hàng với phương Bắc - Định đô ở Thăng Long là nguyện vọng của nhân dân xây dựng một đất nước độc lập, tự cường

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản *Chiếu dời đô*
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ
- c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>+ Câu hỏi: <i>Giả sử em là “vua” của nước 8A. Hãy suy nghĩ và viết 1 bài chiếu ngắn để cải thiện tình hình học tập/ kỉ luật của lớp</i></p> <p>+ Bài tập trắc nghiệm</p> <p>Câu 1: ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu ?</p> <p>A. Giải bày tình cảm của người viết.</p> <p>B. Kêu gọi, cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.</p> <p>C. Miêu tả phong cảnh, kể sự việc.</p> <p>D. Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.</p> <p>Chọn đáp án: D</p> <p>Câu 2: . Lí Công Uẩn viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua nhà Thương, nhà Chu đã nhiều lần dời đô nhằm chứng tỏ việc dời đô xưa nay không phải là việc làm tùy tiện mà luôn</p>	

gắn liền với yêu cầu xây dựng kinh đô ở nơi trung tâm, tạo nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước và phù hợp với ‘ý dân’, ‘mệnh trời’. Đúng hay sai ?

A. Đúng B. Sai

Chọn đáp án: A

Câu 3: Câu ‘Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dờn dỏi’ là câu phủ định. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Chọn đáp án: B

Câu 4: Dòng nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu ‘Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dờn dỏi’.

- A. Phủ định sự cần thiết của việc dờn dỏi.
B. Phủ định sự đau xót của nhà vua trước việc phải dờn dỏi.
C. Khẳng định sự cần thiết phải dờn dỏi kinh đô.
D. Khẳng định lòng yêu nước của nhà vua.

Chọn đáp án: C

Câu 5: Những lợi thế của thành Đại La là gì?

- A. Ở vào nơi trung tâm của trời đất, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi.
B. Đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông, dựa núi.
C. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà lại thoáng.
D. cả A, B và C.

Chọn đáp án: D

Câu 6: Chiếu dờn đô được viết theo phương thức biểu đạt chính nào ?

- A. Tự sự C. Thuyết minh
B. Biểu cảm D. Nghị luận

Chọn đáp án: D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
----------	-----------------------------	---------------------	---------------------------

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn	
1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.	
2. Văn bản được viết theo thể loại nào?	
3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?	
4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?	
5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản.	

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT 63	Lớp 8C	Ngày dạy 18/12/2023	Tiết 2	Lớp 8D	Ngày dạy 15/12/2023	Tiết 2
-------------------------	-----------------	-----------	------------------------	-----------	-----------	------------------------	-----------

TIẾT 63 : VĂN BẢN 4
NƯỚC VIỆT NAM TA NHỎ HAY KHÔNG NHỎ?
(Dương Trung Quốc)
Thời lượng : 1 tiết

I. MỤC TIÊU**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*
- Năng lực nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Tự hào, biết ơn những người anh hùng dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

b. Nội dung: HS thể hiện hiểu biết về lịch sử dân tộc

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân giặc ngoại xâm đem quân xâm lược nước ra đều phải chịu thất bại? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động I: ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất cách đọc - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK,. - Nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>I. Đọc -Tìm hiểu chung</p> <p>1.Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc to, rõ ràng, rành mạch và chú ý các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dương Trung Quốc (2/6/1947) là nhà nghiên cứu lịch sử và chính trị gia người Việt Nam. Ông từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam, là một trong 21 người ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam trúng cử). + Năm 2016, ông là ứng cử viên đại biểu Quốc hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử. + Ông nổi tiếng vì những phát biểu thẳng thắn của mình trong các kỳ họp quốc hội. Ông có bằng cử nhân chuyên ngành lịch sử, là Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng Biên tập tạp chí Xưa & Nay và chủ tịch Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Hà Nội. + Ông còn là đại biểu Quốc hội thâm niên của Việt Nam qua bốn khóa XI, XII, XIII, XIV thuộc đoàn đại biểu tỉnh Đồng Nai. + Tác phẩm nổi bật: <i>Lịch sử Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh Và Phong Trào Thanh Niên Việt Nam</i>, nhà xuất bản Thanh Niên, 4-2001; <i>Việt Nam Những Sự Kiện Lịch sử (1919 - 1945)</i>, nhà xuất bản Giáo dục, 02-2005. <p>b. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Diễn đàn “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?” được báo Thanh Niên mở ra từ ngày 27-3 đến 30-6-2006, bắt đầu từ bài báo của nhà nghiên cứu lịch sử Dương Trung Quốc. Diễn đàn đã thu hút hàng vạn lượt ý kiến của bạn đọc trong và ngoài nước, thể hiện tâm huyết của mọi tầng lớp người Việt Nam mong muốn đất nước thoát khỏi tình trạng tụt hậu, kém phát

	<p>triển với tâm lí nước nhỏ để trở thành một quốc gia hùng mạnh.</p> <p>- Thể loại: văn nghị luận</p> <p>- Nội dung chính: Văn bản bàn về vấn đề “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ?”, qua đó giúp cho mỗi công dân Việt Nam có cái nhìn toàn diện, khách quan, chân thực nhất về vấn đề này trong xã hội ngày nay.</p> <p>c. Bố cục: 4 phần</p> <p>- Phần 1 (từ đầu đến “niềm tự hào đó”): Sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Phần 2 (tiếp đến “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”): Những yếu tố tạo nên sức mạnh của dân tộc</p> <p>- Phần 3 (tiếp đến “dân tộc của mình...”): Bằng chứng chứng minh cho sức mạnh của đất nước Việt Nam khi trải qua các cuộc chiến tranh suốt hơn bốn thập kỉ qua.</p> <p>- Phần 4 (còn lại): Tâm thế lớn, cách nhìn nhận về đất nước.</p>
--	--

Hoạt động II: TÌM HIỂU CHI TIẾT

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Khăn trải bàn</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p>	<p>II/ Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1.Nhan đề và hệ thống luận điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề đặt ra một câu hỏi với người đọc về việc đánh giá đất nước Việt Nam ta. - Luận đề: Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ? - Luận điểm: + Luận điểm 1: Sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. + Luận điểm 2: Bằng chứng chứng minh cho sức mạnh của đất nước Việt Nam khi trải qua các cuộc chiến tranh suốt hơn bốn thập kỉ qua. + Luận điểm 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến nguy cơ thụt lùi của đất nước. + Luận điểm 4: Tâm thế lớn, cách nhìn nhận về đất nước.

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:

+ Vì sao tác giả nhắc tới Đại cáo bình Ngô? Tác giả đã nêu tên Vị Đại tướng đó là ai và ông nhắc nhở chuyện gì?

+ Tác giả nêu những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích gì?

+ Phần (1) và (2) của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích gì? Đây là điều đã tạo nên sức mạnh dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng? Tác giả bài viết đặt ra vấn đề gì trong phần (3)?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

2. Lí lẽ, bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.

- Tác giả nhắc tới Đại cáo bình Ngô vì ông muốn sử dụng tác phẩm này dẫn dắt vào nội dung bài viết.

- Vị Đại tướng đó là Võ Nguyên Giáp.

- Ông nhắc nhở: “Có một thế hệ hằng ngày nhìn vết đạn của ngoại xâm trên thành Cửa Bắc để nuôi chí rửa sạch nỗi nhục mất nước”.

=>Tác giả nêu những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích khẳng định đất nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ lâu đời.

- **Phần (1) và (2)** của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích giúp người đọc hiểu rõ về thời kì, con người đó đã đấu tranh, hi sinh để đánh đổi được một đất nước như ngày hôm nay, tự hào về lịch sử hào hùng đó.

- Điều đã tạo nên sức mạnh của một dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng đó chính là niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Tác giả nhắc tới những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích đưa ra dẫn chứng khẳng định nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ rất lâu về trước. Chúng ta là một dân tộc hào hùng, có độc lập, chủ quyền, có lịch sử, truyền thống, văn hóa... người Việt Nam ta giàu lòng yêu nước.

- **Vấn đề trong phần (3):** Nhưng điều gì khiến cho công cuộc 20 năm Đổi mới được biểu dương như những thành tựu to lớn với những chiến công của lịch sử giữ nước, cuối cùng vẫn không giúp nước ta tránh được nguy cơ tụt hậu?

- Theo tác giả bài nghị luận, những nguyên nhân dẫn đến sự tụt hậu của đất nước trong thời kì: Chiến tranh tàn phá của cải vật chất, để lại những tổn thất nặng nề và cách suy nghĩ và hành xử của con người.

- Ý kiến chủ quan của người viết: “Cách hành xử và tâm thế của chúng ta dường như luôn mặc cảm Việt Nam giờ đây là nước nhỏ. Không ít những phát biểu của các quan chức luôn khiến ta nghĩ rằng Tổ quốc của mình giống như những địa phương mong được xếp vào diện nghèo hay vùng sâu, vùng xa của thế giới để được hưởng những ưu tiên, trợ giúp, mà không thấy nỗi hèn nhục của một nước nghèo và tụt hậu.”

- Các lí lẽ, bằng chứng khách quan:

+ Bây giờ, nếu mỗi ngày, cùngchúng ta mới chiến thắng nghèo hèn để vươn lên cho xứng đáng với dân tộc của mình,....nếu chỉ bỏ mình bỏ mình trong những ước muốn chật hẹp thì mục tiêu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu là vô vọng. Còn như....hành xử.

+ Lời nhắc nhở của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, hai nhà

<p>học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ hiện nay? Theo em, làm thế nào để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”?</i></p> <p>+<i>Câu hỏi tổng kết: Nội dung bao quát của văn bản</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>doanh nghiệp</p> <p>3. Kết nối</p> <p>- Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ hiện nay, tác động đến nhận thức và hành động trong việc giúp đất nước phát triển đi lên.</p> <p>- Theo em, để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”, chúng ta cần nhìn vào lịch sử, học hỏi cha ông ta, cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức, để trong tương lai, ngày gần nhất ta sớm trở thành những công dân có ích cho xã hội, phát triển đất nước giàu mạnh hơn.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục.</p> <p>- Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.</p> <p>- Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.</p> <p>- Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc.</p> <p>2. Nội dung</p> <p>"Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?" là một bài văn nghị luận xã hội. Văn bản làm nổi bật lên tinh thần yêu nước, truyền thống, lịch sử chiến đấu bảo vệ độc lập, hòa bình của dân tộc ta.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc
- c. **Sản phẩm học tập:** bài viết của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p><u>Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày quan điểm của em về vấn đề “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ”?</u></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thực hiện viết đoạn văn</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>Đoạn văn tham khảo:</p> <p>“Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ”? là một trong những vấn đề đáng được quan tâm trong xã hội ngày nay. Với những lịch sử hào hùng, đầy tự hào từ thuở cha ông khai sinh lập địa tới nay, mỗi chúng ta đều có thể ngẩng cao đầu với các nước khác khi giới thiệu, khẳng định về đất nước nghìn năm văn hiến của chúng ta. Mặc dù vậy, nước ta có nguy cơ tụt hậu vì chiến tranh và tâm thế nhỏ của một số người mặc cảm về đất nước nhưng đừng vì những điều nhỏ bé đó mà làm đánh mất đi sự vẻ vang, tự hào khi nói về Việt Nam. Hãy nhìn vào những mặt tích cực, những điều tốt đẹp mà cha ông dành cho chúng ta, những điều mà biết bao thế hệ phải đánh đổi bằng xương máu của mình để lại cho con cháu bây giờ. Để rồi từ đó, mỗi chúng ta hãy cần phải biết phát huy, bảo vệ những điều vốn có để giúp đất nước ngày một phát triển hơn.</p>

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay
- c. **Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện chia sẻ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng học tập, rèn luyện bản thân, trở thành một công dân có ích cho xã hội, đất nước, sống có hoài bão, ước mơ, ý chí quyết tâm học hỏi vươn lên. - Đoàn kết, yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ với mọi người xung quanh ta và những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. - <u>Tuân thủ pháp luật</u>, những nguyên tắc, quy định của nước Việt Nam ta. - Tìm hiểu, trân trọng và truyền đạt những nét văn hóa dân tộc, lịch sử của nước ta. - Ngoài ra, lòng yêu nước còn thể hiện qua những tình cảm giản dị, gần gũi: tình yêu gia đình, tình yêu thiên nhiên, tình yêu thương giữa con người với con người...

*** HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

The image shows two sample student worksheets for a group discussion activity. Both worksheets are titled "LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG VÀ Ý KIẾN CHỦ QUAN" (Fairness, Evidence, and Subjective Opinions). The left worksheet is a blank template with sections for "LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG" (Fairness, Evidence), "MỤC ĐÍCH" (Purpose), and "Ý KIẾN CHỦ QUAN" (Subjective Opinions). The right worksheet is a completed example with handwritten text in blue boxes. The "LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG" section contains a paragraph about a teacher's bias and a quote from Võ Nguyên Giáp. The "MỤC ĐÍCH" section contains a list of points about the purpose of the text. The "Ý KIẾN CHỦ QUAN" section contains a paragraph about the author's bias and the text's purpose.

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
----------	-----------------------------	---------------------	---------------------------

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cấu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các nội dung chính của văn bản

+ Soạn bài tiếp theo : **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

Ngày soạn	Tiết PPCT	Lớp	Ngày dạy	Tiết	Lớp	Ngày dạy	Tiết
25/11/2023	64	8C	18/12/2023	3	8D	15/12/2023	3
	65		Chiều 19/12/2023	2		Chiều 19/12/2023	1
	66			3		20/12/2023	5

TIẾT 64 – 66 :VIẾT:
NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG
 Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nắm được lưu ý và bước đầu biết viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống
- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

2. Về kĩ năng

* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài nghị luận về một vấn đề của đời sống.
- Năng lực tiếp thu tri thức, kỹ năng viết bài văn.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt - ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.
- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

Phiếu học tập số 1

PHIẾU TÌM Ý	
- Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc?	
+ Nêu biểu hiện cụ thể của yêu thiên nhiên, đất nước, con người?	
+ Nêu biểu hiện cụ thể của quý trọng văn hóa dân tộc?	
+ Nêu biểu hiện cụ thể của tự hào về lịch sử dân tộc?	
+ Nêu biểu hiện cụ thể của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?	

Phiếu học tập số 2

PHIẾU LẬP DÀN Ý		
Mở bài	Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc	
Thân bài	- Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: ... - Đoạn 2: Quý trọng văn hóa dân tộc: ... - Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ... - Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:	
Kết bài	Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi

Yêu cầu: Mỗi hình ảnh tương ứng với một vấn đề của đời sống, em hãy gọi tên vấn đề đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến:

* Tên 4 vấn đề của đời sống:

Hình ảnh	Vấn đề của đời sống
	<p>Sức mạnh của tình yêu thương</p>
	<p>Bạo lực học đường</p>
	<p>Lòng biết ơn</p>
	<p>Những tác động của mạng xã hội</p>

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho điểm học sinh.

Giáo viên giới thiệu dẫn dắt vào bài:

Những hình ảnh mà các em vừa thấy đều là những hình ảnh đang diễn ra trong cuộc sống. Đó là các vấn đề mà chúng ta cần quan tâm, bàn bạc. Để đánh giá vấn đề đó là tốt hay xấu thì chúng ta cần đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của mình. Vậy viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống như thế nào? Cô và các em cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. ĐỊNH HƯỚNG

<p>a) Mục tiêu: Nhằm được lưu ý của việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống</p> <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS về nội dung phần Định hướng. - HS trả lời <p>c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống? ? Theo em việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống cần có những lưu ý gì? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ - HS trình bày. - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét phần chia sẻ của HS. 	<p>I. Định hướng</p> <p>1. Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn) đặt vấn đề: thái độ và hành động trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang. - Đoạn mở đầu bài Đại cáo Bình Ngô (Nguyễn Trãi) khẳng định Việt Nam là nước độc lập, có nền văn hiến và lịch sử rất đáng tự hào. - Chiếu dời đô (Lý Công Uẩn) trình bày lí do và ý nghĩa của việc dời thủ đô về đất Thăng Long. - Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ? (Dương Trung Quốc) nêu lên vấn đề: Làm thế nào để đất nước Việt Nam mãi trường tồn và phát triển ngày càng lớn mạnh? <p>-> Để làm rõ vấn đề các tác giả đều nêu lên ý kiến, dẫn ra các lí lẽ và bằng chứng cụ thể.</p> <p>2. Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề của đời sống mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa. - Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên. - Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,... - Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn.

TIẾT 2+3:

II. THỰC HÀNH

- a) Mục tiêu:** HS thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm
- b) Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của giáo viên
- c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1, số 2 của HS; bài văn của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>NV1:</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1/ GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị? 2/ Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý 3/ Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 4/ Lập dàn ý</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Phát phiếu học tập số 1, 2 - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.</p> <p>HS: - Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi trong phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1, 2 – làm việc cá nhân) - Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa (làm việc cặp đôi). - Hoạt động viết <u>+ Viết một đoạn văn: GV chia lớp thành 3 nhóm:</u> Nhóm 1: Thực hiện viết một đoạn văn phần mở bài, viết Đoạn 1 phần thân bài theo dàn ý đã lập Nhóm 2: Thực hiện viết Đoạn 2, Đoạn 3 phần thân bài theo dàn ý đã lập Nhóm 3: Thực hiện viết Đoạn 4 phần thân bài, một đoạn văn phần kết bài theo dàn ý đã lập Có thể cho 6 học sinh trong 3 nhóm thực hiện trên bảng, các học sinh khác viết vào vở. + Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh: HS hoạt động cá nhân</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).</p> <p>B4: Kết luận, nhận định - GV chiếu kết quả của phiếu tìm ý, lập dàn ý để học sinh đối chiếu hoàn thiện bài. - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS</p>	<p>II. Thực hành</p> <p>1. Đề bài: Suy nghĩ của em về “Những sắc màu của tình yêu Tổ quốc”</p> <p>Bước 1. Chuẩn bị - Đọc kỹ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết: + Trọng tâm cần làm rõ: các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc. + Kiểu văn bản chính: nghị luận xã hội. + Phạm vi bằng chứng: từ thực tế cuộc sống; từ kiến thức lịch sử, thơ văn liên quan,... - Nhớ lại những trang lịch sử oai hùng và đầy tự hào của dân tộc (sự kiện, con người,...). - Tìm đọc, tham khảo các bài viết về lòng yêu nước xưa và nay. - Ghi chép những nội dung liên quan và chuẩn bị tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu về các sự kiện, con người tiêu biểu (nếu có).</p> <p>Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>a. Tìm ý: - Với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể như sau: + Xác định vấn đề (ý khái quát): biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc. + Phát triển ý cụ thể cấp 1 (ý lớn): yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;... + Phát triển ý cụ thể cấp 2 (ý nhỏ): - Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;... - Quý trọng văn hoá dân tộc: tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá. - Tự hào về lịch sử dân tộc: dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,... - Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: học tập, lao động, bảo vệ đất nước,...</p> <p>b Lập dàn ý: * Mở bài: Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc. * Thân bài: Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người:... Đoạn 2: Quý trọng văn hoá dân tộc: ... Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ... Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: ... * Kết bài: Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú.</p> <p>Bước 3. Viết - Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài, Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3. Đoạn 4 trong phần thân bài) - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú</p>

ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm

Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại
- Kiểm tra về nội dung: các ý nêu trong đoạn văn, bài văn nghị luận đã hợp lí và đầy đủ chưa và hình thức: bố cục, diễn đạt, trình bày
- Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa
- Tự đánh giá kết quả bài viết

Phiếu học tập số 1

PHIẾU TÌM Ý	
- Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc?	- yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;...
+ Nêu biểu hiện cụ thể của yêu thiên nhiên, đất nước, con người?	- yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;...
+ Nêu biểu hiện cụ thể của quý trọng văn hóa dân tộc?	- quý trọng tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá.
+ Nêu biểu hiện cụ thể của tự hào về lịch sử dân tộc?	- tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,...
+ Nêu biểu hiện cụ thể của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?	- học tập, lao động, bảo vệ đất nước,...

Từ các ý đã tìm được, có thể trình bày bằng một sơ đồ:



Phiếu học tập số 2

PHIẾU LẬP DÀN Ý		
Mở bài	Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc	
Thân bài	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: ... - Đoạn 2: Quý trọng văn hóa dân tộc: ... - Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ... - Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: 	
Kết bài	Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>NV2</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận có cách thức như thế nào? ? Làm bài tập sgk trang 128</p> <p>Bài tập 1. Nhận biết các yếu tố khẳng định (phủ định) và biểu cảm trong hai đoạn văn sau: + Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường đả yến sứ ngụy mà không biết căm... (Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn). + Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương, Chu, cử đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó,... (Chiếu dời đô - Lý Công Uẩn).</p> <p>BT 2. Viết đoạn văn cho đề bài nêu ở mục II. Thực hành, trong đó có sử dụng câu khẳng định, câu phủ định và câu cảm.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: chia sẻ theo hiểu biết của bản thân. GV: - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi làm bài tập - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ, làm bài tập - HS trình bày. - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn. - HS nhận xét phần làm bài tập của bạn.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần chia sẻ, phần làm bài tập của HS.</p>	<p>2. Rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận</p> <p>a. Cách thức</p> <p>- Văn nghị luận vừa có lí lẽ, lập luận chặt chẽ, vừa biểu hiện cảm xúc, tình cảm của người viết; nêu rõ được ý kiến đồng tình hay phản đối. Vì thế, khi viết cần chú ý kết hợp các loại từ ngữ và + Câu khẳng định, phủ định (<i>nhất định, không, không thể,...</i>) + Câu văn biểu cảm (<i>ôi, than ôi, hỡi ôi,...</i>),... + Cần vận dụng từ ngữ thể hiện sự lập luận (<i>tuy ... nhưng, vì thế, cho nên, không những ... mà còn, càng ... càng, phải chăng, chẳng lẽ, như vậy, suy ra,...</i>) + Các từ ngữ như đang tranh luận, đối thoại trực tiếp với người đọc (<i>vâng, chẳng lẽ, đúng thế, điều ấy đã rõ,...</i>).</p> <p>b. Bài tập Chú thích: gạch chân và in đậm: yếu tố khẳng định gạch chân và không in đậm: yếu tố phủ định không gạch chân và in đậm: yếu tố biểu cảm</p> <p>1. + Nay các người nhìn chủ nhục <u>mà không biết lo</u>, thấy nước nhục <u>mà không biết thẹn</u>. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc <u>mà không biết tức</u>; nghe nhạc thái thường để đả yến sứ ngụy <u>mà không biết căm</u>. (Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn). + Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, <u>không</u> noi theo dấu cũ Thương, Chu, cử đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại <u>không</u> được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật <u>không</u> được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó [...] (Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn).</p> <p>2. Đoạn văn tham khảo Một trong những truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam là</p>

	<p><u>tinh thần yêu nước.</u> <u>Không chỉ trong quá khứ, mà ngay cả hiện tại, chúng ta vẫn phát huy được tinh thần đó.</u> Lòng yêu nước của thế hệ trẻ hôm nay có thể được thể hiện qua những điều tưởng chừng như vô cùng đơn giản. Chúng ta yêu lời kể chuyện của bà, yêu tiếng hát ru của mẹ. Chúng ta yêu xóm làng thân thuộc, yêu cánh đồng lúa chín thơm. Hoặc cũng có thể là những hành động thật lớn lao như cố gắng học tập tốt để mai này trở về xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp. Ý chí bảo vệ và phát huy những nét văn hóa truyền thống của quê hương. Cả lòng quyết tâm chiến đấu bảo vệ đất nước của mỗi con người trong những lúc gian nguy rình rập như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh.... <u>Dù là nhỏ bé hay lớn lao thì tình yêu đó sẽ còn tồn tại mãi với thời gian bởi tình yêu đất nước là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.</u></p>
--	---

TRẢ BÀI	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm - Chỉnh sửa hoàn thiện bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc theo cặp. <p>c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc, nhận xét, chữa bài theo cặp - HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân - GV thu phiếu của một vài cặp ngẫu nhiên và chữa 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đã chỉnh sửa của HS đảm bảo yêu cầu của đề bài.

PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT	
Họ và tên HS làm bài:	
Họ và tên HS góp ý:	
Đoạn văn hoặc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống có đảm bảo các nội dung chính trong dàn ý chưa?	
Hình thức đoạn văn, bài văn đã đảm bảo chưa?	
Đoạn văn hoặc bài văn đã vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm chưa?	
Đoạn văn hoặc bài văn có cần bổ sung thêm nội dung gì hay có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ)	
Nếu được đánh giá, em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm?	
<p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 3 - 5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo. 	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.
- b) **Nội dung:** GV đưa thêm các bài tập để củng cố, khắc sâu kiến thức bài học
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời học sinh
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p><u>B1: Chuyển giao nhiệm vụ:</u> GV chiếu các dạng bài tập</p> <p><u>Bài 1. Các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là gì?</u></p> <p>A. Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa B. Chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài C. Tìm ý và lập dàn ý, chuẩn bị, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài D. Kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài, chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý</p> <p><u>Bài 2. Trong các thao tác để thực hiện viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống theo em thao tác nào là quan trọng nhất, vì sao?</u></p> <p><u>B2: Thực hiện nhiệm vụ</u> - HS làm bài cá nhân</p> <p><u>B3: Báo cáo, thảo luận</u> - GV gọi học sinh trả lời các bài tập</p> <p><u>B4: Kết luận, nhận định</u> - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại trong bài làm của HS.</p> <p>Bài 1. Trả lời: đáp án A Bài 2. Học sinh có thể lựa chọn thao tác mà học sinh nhận thấy là</p>	

quan trọng nhất, chỉ cần đưa ra kiến giải hợp lí và thuyết phục. Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức được học viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung
- b) **Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)
- c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Suy nghĩ của em về “Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh”. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ. HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận - Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có)).	

*** Hướng dẫn học sinh học bài và chuẩn bị bài**

- Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: tiếp tục hoàn thiện bài tập trong tiết học
- Chuẩn bị bài sau: Soạn bài Nói và nghe: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống.

Ngày soạn 25/11/2023	Tiết PPCT 67	Lớp 8C	Ngày dạy 25/12/2023	Tiết 2	Lớp 8D	Ngày dạy 22/12/2023	Tiết 2
-------------------------	--------------------	-----------	------------------------	-----------	-----------	------------------------	-----------

**TIẾT 67 : NGHE VÀ TÓM TẮT
NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG
Thời lượng: 1 tiết**

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

1.2. Năng lực chung

- **NL giao tiếp, hợp tác:** Biết lắng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
- **NL tự chủ và tự học:** Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất:

Tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Cách xây dựng lý lẽ, tìm bằng chứng để thảo luận nhóm về một vấn đề của đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu (nếu có), bảng phụ, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến sự cần thiết của việc nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

c. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>* Giao nhiệm vụ học tập: Gv đặt câu hỏi: Tại sao chúng ta lại cần nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống?->Hs làm việc theo kĩ thuật Think- Write- Pair- Share.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ học tập: Thực hiện nhiệm vụ theo cặp.</p> <p>* Báo cáo, thảo luận: 1-2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nghe, góp ý, bổ sung (nếu cần).</p> <p>* Kết luận, nhận định: GV nhận xét đánh giá, chốt chuyển ý vào bài</p>	

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu:

Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt
<p>* B1. Giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS đọc khung <i>Yêu cầu cần đạt</i> (SGK/tr.110), đọc lướt nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống (SGK/tr.128, 129) và trả lời câu hỏi: + Phần <i>Nói và nghe</i> này có liên hệ gì với phần <i>Đọc</i> em đã thực hiện trước đó? + Ở phần nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống, nhiệm vụ học tập cần thực hiện là gì?</p> <p>* B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>*B3. Báo cáo, thảo luận: 1-2 HS trả lời câu hỏi.</p> <p>* B4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận: (1) thành lập nhóm và phân công công việc; (2) thảo luận trong nhóm nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống</p>	

B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH NÓI NGHE

1. Hoạt động chuẩn bị

a. Mục tiêu

- Thành lập nhóm và phân công công việc chuẩn bị cho buổi thảo luận.

- Chuẩn bị nội dung cho buổi thảo luận: Xem lại nội dung viết nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trong phần viết.

- Chú ý các hướng dẫn trogn mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt nội dung chính khi nghe.

- Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận

b. Sản phẩm: Nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần Viết.

c. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm cần đạt

<p>* B1. Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức hướng dẫn cho các nhóm trưởng, đội trưởng phân công chuẩn bị nội dung thảo luận cho các thành viên. Mỗi thành viên cần xem lại nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần viết. - Chú ý các hướng dẫn trogn mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt nội dung chính khi nghe. - Nhóm trưởng, đội trưởng cùng với các thành viên trong nhóm thống nhất các nội dung về mục tiêu và thời gian thảo luận trong phiếu học tập. <p>*B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ chọn nhóm trưởng HS hoàn thành phiếu học tập trong 2 phút. Các đội nhóm cùng thống nhất nội dung và hoàn thành phiếu học tập về mục tiêu, thời gian thảo luận.</p> <p>* B3. Báo cáo, thảo luận:</p> <p>* B4. Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi chú thông tin về các nhóm, có thể điều phối thành viên cho cân đối giữa các nhóm; ghi nhận ý kiến và nội dung chuẩn bị của HS trong các đội; ghi nhận mục tiêu và thời gian thảo luận với các nhóm theo nội dung các câu hỏi trong phiếu học tập. 	
<p>2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý:</p> <p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành hoạt động thảo luận nhóm tìm ý và lập dàn ý dựa trên nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần viết. <p>b. Sản phẩm: Phần ghi chép, tổng hợp của thư kí các nhóm.</p> <p>c. Tổ chức hoạt động:</p>	
<p>* B1. Giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>HS đóng vai trò nhóm trưởng điều phối cuộc thảo luận. Đồng thời, GV in các phiếu hướng dẫn trình bày, thảo luận và biên bản tóm tắt nội dung cuộc thảo luận cho các nhóm HS.</p> <p>* B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ thảo luận, trao đổi dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p> <p>* B3. Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV tổ chức buổi thảo luận cho các nhóm dựa trên phần hướng dẫn của gv</p>	
<p>3. Hoạt động thực hành nói và nghe.</p> <p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành hoạt động thảo luận: nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình. <p>b. Sản phẩm: Phần ghi chép, tổng hợp của thư kí các nhóm.</p> <p>c. Tổ chức hoạt động:</p>	
<p>*Giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>HS đóng vai trò nhóm trưởng điều phối cuộc thảo luận với nội dung nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ thảo luận, trao đổi dưới sự điều khiển của nhóm trưởng</p> <p>*Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV tổ chức buổi thảo luận cho các nhóm dựa trên phần hướng dẫn của SGK với 3 phần chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý kiến 	

- Phản hồi ý kiến
 - Thống nhất ý kiến
***Kết luận, nhận định:**
 Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thảo luận: (1) Lắng nghe lẫn nhau; (2) Tôn trọng ý kiến trái chiều; (3) Phân biện dựa trên lí lẽ, dẫn chứng.

3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm
a. Mục tiêu
 - Tự đánh giá phần trao đổi, thảo luận của mình trong nhóm.
 - Nhận xét phần trao đổi, thảo luận của các bạn trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
b. Sản phẩm: Phiếu tự đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

KINH NGHIỆM SAU KHI THẢO LUẬN NHÓM

Nhận xét về bản thân	Điều học hỏi từ các bạn	Kinh nghiệm sâu sắc nhất

c. Tổ chức hoạt động:

B1. Giao nhiệm vụ học tập:
 Để rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị cho bản thân khi thực hiện bài thảo luận nhóm về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng, HS tự phản hồi quá trình tham gia của mình dựa trên hướng dẫn sau đây cho quá trình hướng dẫn hoàn thành phiếu học tập.
 Ở cột thứ nhất, HS ghi lại những nhận xét về quá trình em tham gia cùng các bạn bằng cách trả lời các câu hỏi như:
 - Em có tích cực tham gia góp ý kiến thảo luận không?
 - Em có lắng nghe các bạn với thái độ tôn trọng, tập trung không?
 - Em có cùng các bạn tích cực đặt câu hỏi và tìm câu trả lời để làm rõ vấn đề cần thảo luận không?
 Ở cột thứ hai, HS ghi lại tất cả những quan sát và nhận xét của HS liên quan đến thái độ, ý kiến, hoạt động của các bạn trong nhóm bằng cách trả lời một số câu hỏi như:
 - Em đồng tình với ý kiến của bạn nào?
 - Ý kiến của bạn em có tóm tắt đầy đủ nội dung thuyết trình hay không?
 - Em học được những gì qua thái độ, hoạt động của các bạn trong nhóm?
 Ở cột thứ ba, HS ghi lại những kinh nghiệm, bài học sâu sắc nhất HS tự rút ra cho bản thân mình thông qua quá trình nhận xét việc tham gia thảo luận nhóm của HS và các bạn trong nhóm.
B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:
 - Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ.
B3. Báo cáo, thảo luận:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo cặp với bạn bên cạnh, sau đó, GV mời 1,2 HS đại diện chia sẻ trước lớp.

B4. Kết luận, nhận định:

Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm về việc nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống:

(1) Chú ý nghe kỹ nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống mà các ý kiến tham gia đã trình bày;

(2) Ghi lại các ý chính theo hệ thống; ý lớn (đó là vấn đề gì? Nội dung lớn gồm các ý nào”), ý nhỏ (triển khai ý lớn), các bằng chứng, ví dụ minh họa; Tuy theo yêu cầu để lựa chọn và ghi lại các nội dung chính

(3) giọng nói, tư thế, thái độ quyết định tính thuyết phục của việc trình bày ý kiến cá nhân trong quá trình thảo luận;

*** GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng nghe và tóm tắt bài thuyết trình về vấn đề trong đời sống

- Chuẩn bị : Ôn tập lại các văn bản đã học ở kỳ I, Kiến thức Tiếng việt và tập làm văn kì 1 để ôn tập tổng hợp, chuẩn bị kì thi KSCL học kì I.